TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH HẬU GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 111/2023/DS-PT
Ngày: 16 - 8 - 2023
V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HẬU GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Võ Hoàng Khải

Các Thẩm phán: Ông Hồ Văn Luông

Bà Trịnh Thị Bích Hạnh

- Thư ký phiên tòa: Ông Phan Minh Nhựt - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Hậu Giang.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Hậu Giang: Bà Đặng Kim Quang - Kiểm sát viên tham gia phiên toà.

Trong các ngày 10 và 16 tháng 8 năm 2023, tại phòng xét xử Tòa án nhân dân tỉnh Hậu Giang công khai xét xử phúc thẩm vụ án thụ lý số: 79/2023/TLPT-DS ngày 15 tháng 6 năm 2023 về việc "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản".

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 09/2023/DS-ST ngày 28 tháng 3 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Hậu Giang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 108/2023/QĐPT-DS ngày 06 tháng 7 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên toà phúc thẩm số: 79/2023/QĐ-PT ngày 26 tháng 7 năm 2023, giữa đương sự:

1. Nguyên đơn:

1.1. Ông Huỳnh N; địa chỉ ấp M, thị trấn N, huyện T, tỉnh Hậu Giang.

1.2. Bà Lữ H; địa chỉ ấp M, thị trấn N, huyện T, tỉnh Hậu Giang.

Người đại diện theo uỷ quyền của bà Lữ H: Ông Huỳnh N.

2. Bị đơn: Bà Lữ H; địa chỉ ấp B, thị trấn M, huyện T, tỉnh Hậu Giang.

Người đại diện theo uỷ quyền của bà Lữ H:

- Bà Hồ Thị Diễm Thùy; địa chỉ số A, đường T, phường B, quận B, thành phố Cần Thơ.

- Bà Trần Thị Cha Ra Da; địa chỉ số A, đường T, phường B, quận B, thành phố Cần Thơ.

3. Người kháng cáo: Bà Lữ H.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo bản án sơ thẩm và các tài liệu có trong hồ sơ, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Nguyên đơn ông Huỳnh N, bà Lữ H cùng thống nhất trình bày: Vào các năm 2002 và 2003, nguyên đơn có cho bị đơn vay nhiều lần bao gồm cho vay tiền và vàng là 05 chỉ vàng 24k. Đến ngày 05/11/2005 giữa nguyên đơn và bị đơn có tổng kết các khoản nợ tổng cộng là 29.950.000đ có làm biên nhận với bị đơn. Quá trình vay đến ngày 10/4/2021 bị đơn trả nợ được cho nguyên đơn là 8.000.000đ, ngày 15/6/2022 bị đơn trả nợ được cho nguyên đơn là 10.000.000đ, ngày 22/8/2022 bị đơn trả nợ được cho nguyên đơn là 10.000.000đ và còn nợ lại tiền vốn là 1.950.000đ. Từ lúc vay đến nay bị đơn chưa trả lãi tiền vay cho nguyên đơn. Nay nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả tiền vốn còn lại là 1.950.000đ và trả lãi là 9%/năm từ ngày 05/11/2005 đến ngày xét xử sơ thẩm.

Bị đơn bà Lữ H trình bày: Bị đơn không có mượn hay vay tiền gì từ nguyên đơn, vào các năm 2002 và 2003, nguyên đơn đưa tiền và vàng là 05 chỉ vàng 24k cho bị đơn để cho vay giùm nguyên đơn. Khi kết thúc vào năm 2005 quy ra 01 chỉ vàng bằng tiền là 1.390.000đ. Và có làm biên nhận nợ tổng số tiền là 29.950.000đ, bị đơn cũng trả được cho nguyên đơn là 28.000.000đ, bị đơn thừa nhận còn nợ lại nguyên đơn 1.950.000đ và đồng ý trả cho nguyên đơn số tiền 1.950.000đ, không đồng ý với yêu cầu trả lãi của nguyên đơn.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số: 09/2023/DS-ST ngày 28 tháng 3 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Hậu Giang. Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Buộc bị đơn Lữ H trả cho nguyên đơn Lữ H và Huỳnh N số tiền vay vốn còn lại 1.950.000đ (một triệu chín trăm năm mươi ngàn đồng) và trả lãi 44.102.838đ (bốn mươi bốn triệu một trăm lẻ hai ngàn tám trăm ba mươi tám đồng). Tổng 46.052.838đ (bốn mươi sáu triệu không trăm năm mươi hai ngàn tám trăm ba mươi tám đồng).

Ngoài ra, bản án còn tuyên về nghĩa vụ chậm trả, án phí và các quyền khác theo quy định của pháp luật.

Ngày 04 tháng 4 năm 2023, bị đơn bà Lữ H có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm. Đề nghị cấp phúc thẩm xem xét sửa bản án sơ thẩm theo hướng bác bỏ toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa phúc thẩm: Nguyên đơn ông Huỳnh N đồng thời là người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn bà Lữ H vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và đồng ý với bản án sơ thẩm. Đại diện uỷ quyền của bị đơn rút yêu cầu kháng cáo trả tiền nợ gốc. Giữ nguyên yêu cầu kháng cáo về tiền lãi.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hậu Giang tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm:

Về tố tụng, quá trình thụ lý và giải quyết vụ án, Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử và đương sự đã thực hiện đúng quy định của pháp luật tố tụng.

Về nội dung vụ án: Đại diện Viện kiểm sát cho rằng, tại phiên tòa đại diện ủy quyền của bị đơn thừa nhận có nhận của nguyên đơn vàng và tiền cho người khác vay lại và thừa nhận năm 2005 có chốt nợ 29.950.000đ; thừa nhận của bị đơn phù hợp với chứng cứ nguyên đơn cung cấp thể hiện tháng 11/2005 nguyên đơn có vay tiền ngân hàng 30.000.000đ để trừ vào tiền nợ của bị đơn và bị đơn có nghĩa vụ trả lãi Ngân hàng nên có căn cứ đây là khoản tiền vay và cấp sơ thẩm buộc bị đơn trả lãi theo lãi suất cơ bản của Ngân hàng theo từng khoảng thời gian là phù hợp với quy định của pháp luật, do đó kháng cáo của bị đơn là không có cơ sở chấp nhận. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, qua tranh tụng và tranh luận tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Theo chứng cứ nguyên đơn cung cấp là một giấy tập ca rô có nội dung ghi nhận tổng vàng, tiền 36.950.000đ, trả 7.000.000đ, cộng lại 29.950.000đ, giấy tay không tiêu đề nhưng có ghi tên H và không chữ ký, giấy đề ngày 05/11/2005 (bút lục 47). Theo nguyên đơn trình bày, năm 2002 và 2003 nguyên đơn có cho bị đơn vay tiền và vàng, đến ngày 05/11/2005 tổng kết các khoản nợ lại là 29.950.000đ và bị đơn có trả được nhiều lần là 28.000.000đ và còn nợ lại 1.950.000đ. Bị đơn thừa nhận lời trình bày của nguyên về thời gian và thừa nhận

có nhận vàng và tiền của nguyên đơn vào năm 2002, năm 2003 và có tổng kết nợ vào ngày 05/11/2005 có làm giấy và đã trả được 28.000.000đ và còn nợ lại 1.950.000đ; Nhưng cho rằng không phải tiền vay mà là bị đơn nhận tiền và vàng của nguyên đơn để cho vay giùm nên kháng cáo không đồng ý trả lãi theo yêu cầu của nguyên đơn.

[2] Hội đồng xét xử nhận thấy, tại phiên tòa phúc thẩm cũng như quá trình giải quyết vụ án, lời trình bày của các đương sự trong hồ sơ vụ án không thống nhất với nhau. Nguyên đơn thì cho rằng tiền vay, còn bị đơn cho rằng nhận cho vay giùm không có lãi. Tuy nhiên các bên thông nhất với nhau là từ ngày 05/11/2005 bị đơn còn nợ lại nguyên đơn số tiền là còn lại là 29.950.000đ và bị đơn có trả được nhiều lần là 28.000.000đ và còn nợ lại 1.950.000đ. Thống nhất trình bày của các bên làm căn cứ để Hội đồng xét xử giải quyết vụ án.

[3] Xét về thời hiệu yêu cầu khởi kiện: Mặc dù giao dịch vay tiền của nguyên đơn và bị đơn thực hiện từ năm 2002 - 2003, đến ngày 05/10/2022 nguyên đơn mới làm đơn khởi kiện các đương sự đều không yêu cầu áp dụng thời hiệu. Quá trình giải quyết vụ án cũng như lời trình bày của các đương sự tại phiên tòa đều thừa nhận không thỏa thuận thời hạn trả nên chưa có căn cứ xác định xác định mốc thời gian phát sinh tranh chấp. Hơn nữa, ngày 05/11/2005 các bên đã chốt nợ và đến ngày 10/4/2021 bị đơn đã trả 8.000.000đ ngày 15/6/2022 trả 10.000.000đ, ngày 22/8/2022 trả 10.000.000đ, nếu thời hiệu đã hết thì kể từ thời điểm bị đơn thực hiện nghĩa vụ trả nợ là đã bắt đầu lại thời hiệu khởi kiện vụ án dân sự theo quy định tại Điều 157 Bộ luật dân sự năm 2015, nên cấp sơ thẩm thụ lý, giải quyết vụ án là phù hợp với quy định của pháp luật.

[4] Xét kháng cáo không đồng ý trả lãi của bị đơn: Mặc dù lời trình bày của các đương sự mâu thuẫn về hình thức vay, mượn tiền nhưng qua quá trình nghiên cứu, thu thập chứng cứ trong hồ sơ và lời trình bày của các đương sự tại phiên toà có căn cứ để xác định rằng đây là khoản tiền vay vì chính bị đơn và người đại diện uỷ quyền của bị đơn cũng đã thừa nhận nhận tiền của nguyên đơn đưa là để cho vay giùm, như vậy cho thấy hình thức giao tiền cho bị đơn là cho vay, vay là phải có lãi. Mặt khác, đến thời điểm ngày 05/11/2005, các bên đã chốt lại số nợ là 29.950.000đ mà bị đơn nợ nguyên đơn. Biên nhận không có ghi thỏa thuận lãi suất nhưng chứng cứ mà nguyên đơn cung cấp và cho rằng bà Hồng và bà Hương là chị em ruột có thoả thuận để nguyên đơn vay tiền ngân hàng giùm cho bị đơn, nguyên đơn đã cung cấp được hợp đồng tín dụng ngày 08/12/2005 phù hợp với lời trình bày của nguyên đơn là đã thoả thuận vay tiền

cho bị đơn để bị đơn thực hiện nghĩa vụ thanh toán số tiền chốt nợ. Từ chứng cứ là hợp đồng tín dụng vay cho thấy giữa nguyên đơn và bị đơn có thỏa thuận vay bằng hình thức chuyển đổi nợ nguyên đơn vay giùm bị đơn để trả khoản tiền chốt lại với lãi suất ngân hàng; chứng cứ này phù hợp với các chứng cứ đã thu thập trong hồ sơ là phù hợp với thời gian và các chứng cứ khác; bởi lẽ, không ai đem tiền của nhà mình cho người khác mượn không tính lãi mà lại đi vay Ngân hàng sử dụng để phải trả lãi. Từ nhận định trên có căn cứ từ ngày 05/11/2005 các bên đã có thỏa thuận về lãi suất, nên yêu cầu tính lãi của nguyên đơn là phù hợp với quy định của pháp luật. Kháng cáo của bị đơn không đồng ý tính lãi là không có cơ sở để chấp nhận.

[5] Về lãi suất: Cấp sơ thẩm đã tính lãi theo lãi suất cơ bản Ngân hàng Nhà nước quy định là 9%/năm thời điểm năm 2005 là phù hợp với quy định của Bộ luật Dân sự năm 2005; Thời điểm từ ngày 10/4/2021 đến ngày xét xử sơ thẩm do các bên không có thoả thuận mức lãi suất, nên có tranh chấp về lãi suất thì áp dụng 50% mức lãi suất giới hạn 20%/ năm được quy định theo Điều 468 Bộ luật dân sự 2015 là 10%/năm; Như vậy, yêu cầu của nguyên đơn 9%/năm là không vượt quá quy định pháp luật. Cấp sơ thẩm cũng đã nhận định giảm trừ số tiền vốn để tính lãi cho bị đơn theo từng thời điểm như bản án đã nhận định là phù hợp; Bị đơn chỉ kháng cáo không đồng ý trả lãi, các đương sự không kháng cáo, Viện kiểm sát không kháng nghị về cách tính lãi, nên Hội đồng xét xử giữ nguyên cách tính lãi theo án sơ thẩm đã tuyên và không xem xét lại.

Từ nhận định trên không có căn cứ để chấp nhận kháng cáo của bị đơn. Có căn cứ để chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hậu Giang.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 308, Điều 91, Điều 92, Điều 147, Điều 148 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 471, Điều 476 Bộ luật dân sự năm 2005; Điều 157, Điều 357, Điều 466, Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về quy định mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn Lữ H về việc không đồng ý trả lãi.

2. Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số: 09/2023/DS-ST ngày 28 tháng 3 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Hậu Giang.

3. Án phí dân sự phúc thẩm: Buộc bị đơn Lữ H phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng); Chuyển 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí theo lai thu số 0011006, ngày 04/4/2023 của Chi cục thi hành án huyện T, tỉnh Hậu Giang thành án phí.

4. Những nhận định và quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm không xem xét.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án, ngày 16/8/2023.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Hậu Giang;
- TAND huyện T;
- Chi cục THADS huyện T;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Võ Hoàng Khải

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM

CÁC THẨM PHÁN **THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Võ Hoàng Khải

Nơi nhận:
- *VKSND tỉnh Hậu Giang;*
- *TAND huyện T;*
- *CC THADS huyện T;*
- *Các đương sự;*
- *Lưu hồ sơ.*